

# Khối ngoại duy trì áp lực bán

## Hoạt động giao dịch trong nước

Trong tuần trước, thanh khoản thị trường có sự cải thiện nhẹ so với tuần trước đó, tăng 1% lên mức 141 nghìn tỷ đồng. Đáng chú ý, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước là nhóm duy nhất có sự gia tăng về quy mô giao dịch, tăng khoảng 9%, trong khi các nhóm khác đều giảm quy mô giao dịch. Nhóm nhà đầu tư tổ chức nước ngoài là nhóm duy nhất bán ròng, với giá trị 1.8 nghìn tỷ đồng. Ba nhóm nhà đầu tư còn lại đều mua ròng, trong đó nhóm cá nhân trong nước là nhóm chủ đạo khi mua 1.6 nghìn tỷ đồng, theo sau là tổ chức trong nước với 216 tỷ đồng.

## Hoạt động giao dịch tự doanh

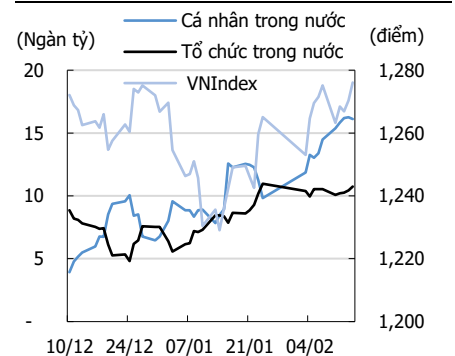
Tự doanh quay lại xu hướng mua ròng trước đó, tuy nhiên, quy mô mua ròng không lớn, chỉ ở mức 170 tỷ đồng, tập trung chủ yếu vào chứng chỉ quỹ E1VFN30 và GEE với giá trị lần lượt là 170 tỷ đồng và 120 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, chỉ có OCB bị nhóm này bán ròng hơn 57 tỷ đồng, trong khi các cổ phiếu khác đều có mức bán ròng dưới 40 tỷ đồng.

## Hoạt động giao dịch khối ngoại

Dù áp lực bán ròng từ khối ngoại đã giảm bớt trong tuần trước, nhóm này vẫn bán ròng 1.8 nghìn tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng thứ 2 liên tiếp. Tính từ đầu năm đến nay, khối ngoại đã bán ròng 5/7 tuần, với tổng giá trị hơn 12.5 nghìn tỷ đồng.

Khối ngoại tập trung bán mạnh các mã MWG (-552 tỷ đồng), VNM (-423 tỷ đồng), và VCB (-202 tỷ đồng). Ngoài ra, còn 6 cổ phiếu khác bị bán ròng trên 100 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, chỉ có MSN và VCG được mua ròng đáng kể, lần lượt là 194 tỷ đồng và 115 tỷ đồng.

**Hình 1. Giá trị tích lũy ròng**



Nguồn: FiinproX, KIS Research  
Lưu ý: Giá trị tích lũy tính từ tháng 1/23

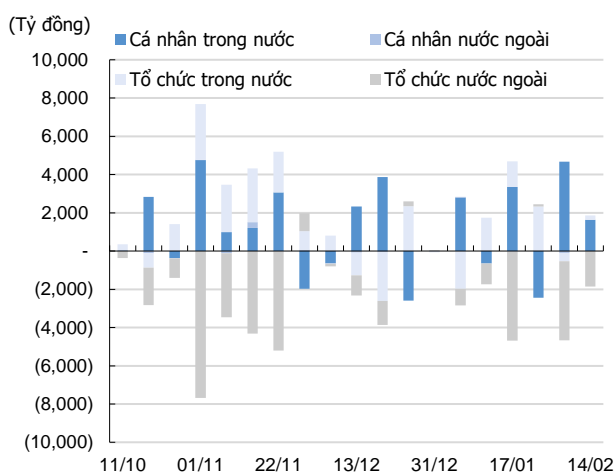
**Bảng 1: Hoạt động giao dịch theo nhóm nhà đầu tư**

Nhóm nhà đầu tư	Giá trị mua (nghìn tỷ đồng)				Giá trị bán (nghìn tỷ đồng)				Giá trị ròng (nghìn tỷ đồng)			
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD
Cá nhân nước ngoài	7.4	23.3	89.3	185.9	7.7	20.5	82.3	169.6	(0.3)	2.8	7.0	16.4
Cá nhân trong nước	59.8	156.7	615.1	1,409.1	56.3	150.2	602.0	1,386.5	3.5	6.5	13.2	22.6
Tổ chức nước ngoài	7.6	21.8	79.9	177.6	10.8	31.0	100.1	216.2	(3.2)	(9.1)	(20.3)	(38.6)
Tổ chức trong nước	0.2	0.5	2.1	4.3	0.3	0.7	2.0	4.6	(0.1)	(0.1)	0.1	(0.3)
Tự doanh	3.2	10.1	36.6	83.2	4.3	9.2	37.4	78.1	(1.1)	0.9	(0.8)	5.2

Nguồn: FiinproX, KIS Research

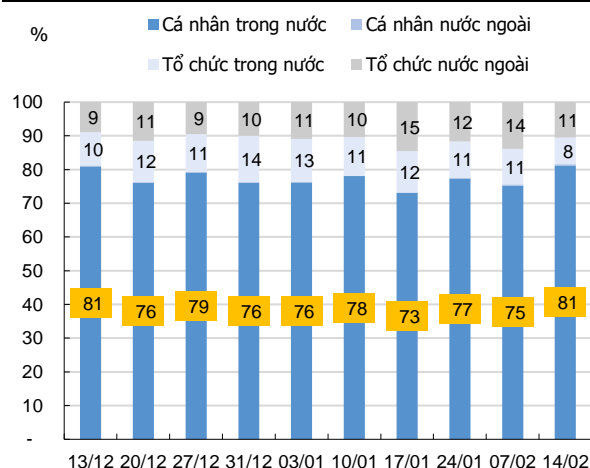
**Research Dept**  
Researchdept@kisvn.vn

**Hình 2. Diễn biến giao dịch theo nhóm nhà đầu tư**



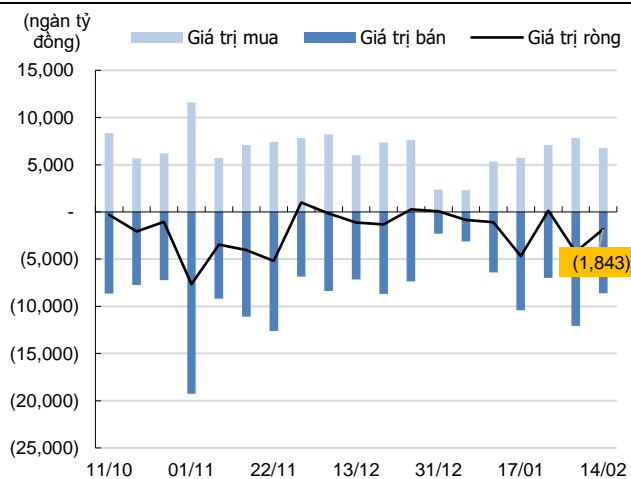
Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Hình 3. Tỷ trọng giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư**



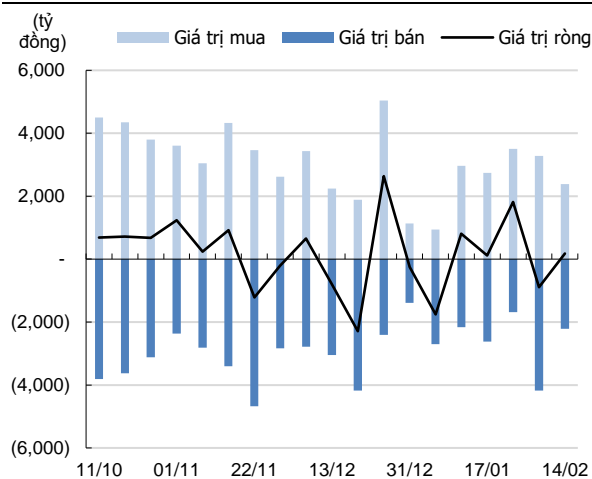
Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Hình 4. Giao dịch từ nhà đầu tư nước ngoài**



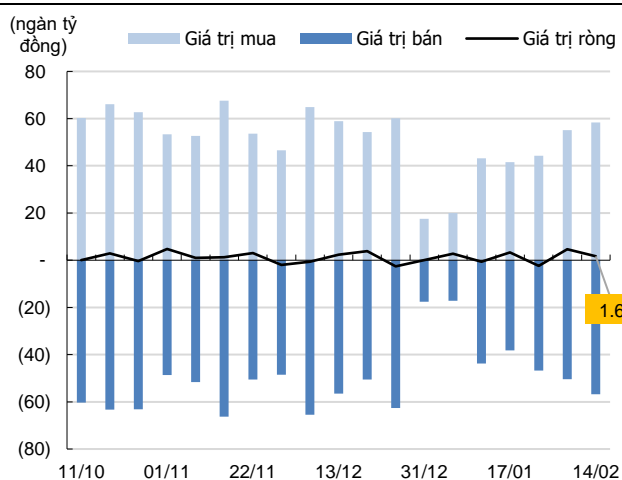
Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Hình 5. Giao dịch tự doanh**



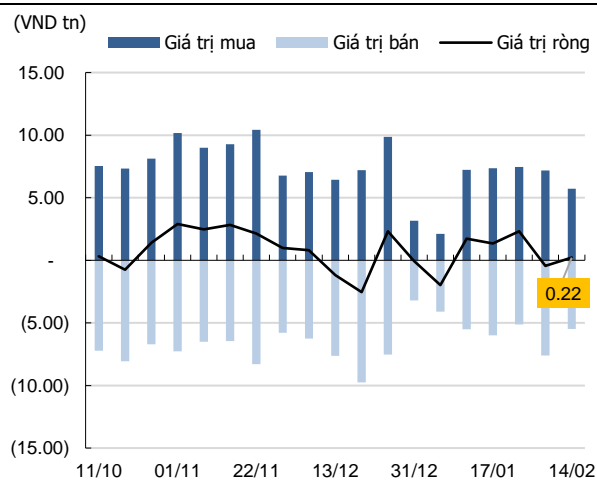
Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Hình 6. Giao dịch từ nhà đầu tư cá nhân trong nước**



Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Hình 7. Giao dịch từ nhà đầu tư tổ chức trong nước**



Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 2. CP mua ròng của cá nhân trong nước** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VNM	Hàng Tiêu dùng	(0.8)	853.4	(336.8)	516.6
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(6.3)	1,880.0	(1,370.4)	509.7
CTG	Ngân hàng	(0.6)	1,257.1	(998.5)	258.6
VHM	Tài chính	0.1	796.3	(558.5)	237.8
VCB	Ngân hàng	(1.5)	441.9	(235.9)	205.9
DGC	Nguyên vật liệu	(2.8)	699.5	(510.8)	188.7
VIC	Tài chính	(1.0)	954.0	(789.3)	164.7
NLG	Tài chính	(7.1)	292.6	(151.4)	141.2
VRE	Tài chính	(1.5)	344.4	(233.7)	110.7
CTR	Công nghiệp	(5.2)	582.5	(481.7)	100.9

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 3. CP bán ròng của cá nhân trong nước** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
TCB	Ngân hàng	1.0	1,515.0	(1,817.6)	(302.6)
MSN	Hàng Tiêu dùng	0.6	852.7	(1,030.4)	(177.7)
VCG	Công nghiệp	5.9	919.0	(1,035.1)	(116.1)
EIB	Ngân hàng	2.4	349.6	(458.5)	(108.9)
GEE	Công nghiệp	11.5	197.5	(305.1)	(107.6)
STB	Ngân hàng	2.1	1,509.0	(1,613.8)	(104.8)
GEX	Công nghiệp	2.3	727.8	(832.2)	(104.4)
HAH	Công nghiệp	0.0	476.5	(563.3)	(86.8)
KBC	Tài chính	1.5	509.9	(595.3)	(85.4)
DCM	Nguyên vật liệu	3.9	443.5	(522.0)	(78.5)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 4. CP mua ròng của tổ chức trong nước** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
TCB	Ngân hàng	1.0	511.7	(259.0)	252.7
STB	Ngân hàng	2.1	301.9	(179.6)	122.2
EIB	Ngân hàng	2.4	124.6	(12.1)	112.6
GEE	Công nghiệp	11.5	123.5	(17.0)	106.5
VPB	Ngân hàng	0.3	219.2	(125.7)	93.5
GMD	Công nghiệp	(1.4)	112.9	(22.3)	90.6
HPG	Nguyên vật liệu	(2.1)	430.8	(342.2)	88.6
BVH	Tài chính	4.4	88.6	(14.5)	74.1
DCM	Nguyên vật liệu	3.9	79.3	(5.8)	73.5
SHB	Ngân hàng	2.4	110.5	(46.5)	64.0

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 5. CP bán ròng của tổ chức trong nước** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIC	Tài chính	(1.0)	29.1	(204.7)	(175.5)
VHM	Tài chính	0.1	60.6	(188.5)	(127.8)
FPT	Công nghệ Thông tin	(0.8)	213.0	(334.6)	(121.7)
VNM	Hàng Tiêu dùng	(0.8)	97.4	(190.5)	(93.2)
HDB	Ngân hàng	(0.2)	44.9	(135.1)	(90.2)
CTG	Ngân hàng	(0.6)	89.9	(163.4)	(73.5)
DGC	Nguyên vật liệu	(2.8)	15.1	(88.6)	(73.4)
FUEVFVND	Tài chính	(0.9)	29.2	(92.4)	(63.3)
TPB	Ngân hàng	2.1	36.8	(99.7)	(62.9)
OCB	Ngân hàng	(0.9)	44.0	(100.6)	(56.5)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 6. CP mua ròng của tổ chức nước ngoài** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
MSN	Hàng Tiêu dùng	0.6	273.8	(89.8)	184.0
VCG	Công nghiệp	5.9	138.5	(22.8)	115.7
OCB	Ngân hàng	(0.9)	126.5	(37.7)	88.8
FUEVFVND	Tài chính	(0.9)	133.4	(68.0)	65.4
VGC	Công nghiệp	2.4	61.9	(5.3)	56.6
GEX	Công nghiệp	2.3	91.1	(39.5)	51.6
TCB	Ngân hàng	1.0	158.1	(107.5)	50.6
FPT	Công nghệ Thông tin	(0.8)	973.5	(925.1)	48.4
TCH	Tài chính	1.0	62.3	(15.5)	46.8
HAH	Công nghiệp	0.0	76.6	(34.1)	42.5

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 7. CP bán ròng của tổ chức nước ngoài** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(6.3)	215.5	(770.5)	(555.1)
VNM	Hàng Tiêu dùng	(0.8)	193.1	(600.6)	(407.5)
VCB	Ngân hàng	(1.5)	74.3	(276.8)	(202.4)
CTG	Ngân hàng	(0.6)	102.5	(289.3)	(186.7)
GMD	Công nghiệp	(1.4)	1.0	(178.7)	(177.7)
NLG	Tài chính	(7.1)	53.4	(187.5)	(134.1)
VRE	Tài chính	(1.5)	22.0	(142.7)	(120.8)
SSI	Tài chính	(0.4)	110.3	(226.8)	(116.5)
DGC	Nguyên vật liệu	(2.8)	78.9	(194.7)	(115.7)
VHM	Tài chính	0.1	94.1	(203.4)	(109.3)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 8. CP mua ròng của cá nhân nước ngoài** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
SSI	Tài chính	(0.4)	75.2	(14.7)	60.4
MSN	Hàng Tiêu dùng	0.6	11.1	(1.0)	10.1
FPT	Công nghệ Thông tin	(0.8)	14.7	(7.1)	7.5
GEX	Công nghiệp	2.3	6.5	(1.5)	5.1
SAB	Hàng Tiêu dùng	(1.5)	7.0	(2.3)	4.7
CTR	Công nghiệp	(5.2)	4.7	(0.1)	4.7
VSC	Công nghiệp	2.5	4.2	(0.5)	3.7
EVF	Tài chính	7.8	3.9	(1.4)	2.5
D2D	Tài chính	1.1	2.4	0.0	2.4
PC1	Công nghiệp	(1.5)	2.5	(0.1)	2.4

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 9. CP bán ròng của cá nhân nước ngoài** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VNM	Hàng Tiêu dùng	(0.8)	3.6	(19.5)	(15.9)
HCM	Tài chính	1.7	5.3	(20.1)	(14.8)
HHV	Công nghiệp	2.8	0.8	(8.1)	(7.3)
HSG	Nguyên vật liệu	(4.0)	2.7	(8.5)	(5.8)
POW	Tiện ích Cộng đồng	1.7	0.0	(5.3)	(5.3)
PVD	Dầu khí	2.5	0.0	(4.6)	(4.6)
HDG	Tài chính	0.9	0.0	(4.2)	(4.2)
VTP	Công nghiệp	(3.6)	7.4	(11.5)	(4.1)
BVH	Tài chính	4.4	2.3	(6.4)	(4.1)
STB	Ngân hàng	2.1	4.1	(7.9)	(3.7)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 10. Top 10 CP mua ròng của khối ngoại** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
MSN	Hàng Tiêu dùng	0.6	284.8	(90.8)	194.1
VCG	Công nghiệp	5.9	138.8	(23.4)	115.5
OCB	Ngân hàng	(0.9)	126.6	(37.7)	88.9
FUEVFNVD	Tài chính	(0.9)	136.8	(69.0)	67.8
GEX	Công nghiệp	2.3	97.7	(41.0)	56.7
VGC	Công nghiệp	2.4	61.9	(5.4)	56.5
FPT	Công nghệ Thông tin	(0.8)	988.2	(932.3)	55.9
TCB	Ngân hàng	1.0	158.5	(108.7)	49.9
TCH	Tài chính	1.0	62.3	(16.0)	46.4
HAH	Công nghiệp	0.0	77.6	(34.8)	42.7

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 11. Top 10 CP bán ròng của khối ngoại** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(6.3)	219.8	(772.5)	(552.7)
VNM	Hàng Tiêu dùng	(0.8)	196.7	(620.1)	(423.4)
VCB	Ngân hàng	(1.5)	75.2	(277.5)	(202.3)
CTG	Ngân hàng	(0.6)	104.6	(289.7)	(185.1)
GMD	Công nghiệp	(1.4)	1.4	(179.6)	(178.2)
NLG	Tài chính	(7.1)	53.8	(188.1)	(134.3)
VRE	Tài chính	(1.5)	22.1	(142.8)	(120.7)
DGC	Nguyên vật liệu	(2.8)	79.6	(194.9)	(115.3)
VHM	Tài chính	0.1	95.0	(204.9)	(110.0)
HPG	Nguyên vật liệu	(2.1)	447.5	(537.4)	(89.8)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 12. Top CP mua ròng của tự doanh** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Sàn	%	Mua	Bán	Ròng
E1VFN30	Tài chính	(0.0)	187.2	(16.4)	170.8
GEE	Công nghiệp	11.5	120.5	0.0	120.5
STB	Ngân hàng	2.1	177.3	(103.1)	74.2
EIB	Ngân hàng	2.4	78.8	(4.6)	74.1
KOS	Tài chính	0.3	37.0	0.0	37.0
TCB	Ngân hàng	1.0	116.3	(86.1)	30.2
LPB	Ngân hàng	2.7	67.0	(41.6)	25.4
GEX	Công nghiệp	2.3	27.8	(4.5)	23.3
CMG	Công nghệ Thông tin	0.1	22.6	(0.0)	22.6
PVT	Công nghiệp	(1.7)	20.5	(0.9)	19.6

Nguồn: FiinproX, KIS Research

**Bảng 13. Top CP bán ròng của tự doanh** (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
OCB	Ngân hàng	(0.9)	43.1	(100.2)	(57.1)
SBT	Hàng Tiêu dùng	(0.7)	12.0	(45.4)	(33.4)
CTG	Ngân hàng	(0.6)	31.5	(62.2)	(30.7)
MBB	Ngân hàng	0.4	84.7	(115.0)	(30.3)
PVD	Dầu khí	2.5	3.6	(30.4)	(26.8)
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(6.3)	177.4	(203.2)	(25.9)
CTR	Công nghiệp	(5.2)	2.9	(26.1)	(23.2)
VIX	Tài chính	0.5	1.7	(24.8)	(23.1)
VCG	Công nghiệp	5.9	3.9	(25.1)	(21.2)
DGC	Nguyên vật liệu	(2.8)	5.4	(25.1)	(19.6)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..